

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Điều Toàn

2. Ông Điều Kim Rương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 198/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, giao nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị T, sinh năm 1994.

Trú tại: Ấp Sóc Lớn, xã Tân Quan, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước;

Bị đơn: Anh Điều T, sinh năm 1989;

Trú tại: Ấp Sóc Lớn, xã Tân Quan, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước;

(Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 6 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án chị trình bày:

Về hôn nhân: Chị Thị T và anh Điều T sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, đến năm 2012 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quan, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình, trước khi kết hôn cả hai đều độc thân;

Sau khi kết hôn thì chị T và anh Thanh sinh sống tại ấp Sóc Lớn, xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, chị T và anh Thanh chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong mọi vấn đề, dẫn đến vợ chồng hay cãi vã nhau, ngoài ra anh T còn bạo lực gia đình, mâu thuẫn kéo dài. Đến năm 2020 chị T và Điều T tự sống ly thân, không ai quan tâm gì đến ai, cho đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh Điều T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh Điều T có 01 con chung Điều Trường, sinh năm: 2011, nay ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung. Từ khi chị T và anh T sống ly thân con chung do chị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, tuy quá trình giải quyết vụ án chị T rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có.

Sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án ly hôn của chị T, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Điều T nhiều lần đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng nhưng anh Điều T không đến Tòa để tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của nguyên đơn, có đủ căn cứ xác định tình cảm giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Chị Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Điều T, anh T có nơi cư trú ấp Sóc Lớn, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án Ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh T, anh T không đến Tòa án trình bày ý kiến, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh T cũng vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật. Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt căn cứ vào Khoản 01 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của chị T trong quá trình giải quyết thì nguyên nhân mâu thuẫn chính để chị T yêu cầu xin ly hôn với anh T là do anh T thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, đến năm 2020 thì chị T và anh T sống ly thân nhau, không ai quan tâm ai nữa phù hợp với biên bản xác minh được ban ấp Sóc Lớn, xã Tân Quan phù hợp với lời trình bày nguyên nhân tại đơn khởi kiện, chị T và anh T đã ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm ai nữa. Điều này cho thấy tình cảm giữa hai vợ chồng thực sự đã mâu thuẫn trầm trọng; hơn nữa, Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần đến tòa án để hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc và tại phiên tòa hôm nay anh T cũng vắng mặt không có lý do, thể hiện anh T không còn quan tâm gì đến tình cảm giữa anh và chị T nữa nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung Điều Trương, sinh năm: 2011. Nay ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, quá trình vợ chồng chị T và anh T ly thân, con chung được chị T trực tiếp nuôi dưỡng; hơn nữa, tại biên bản ghi lời khai của người chưa T niên cháu Trương có nguyện vọng được ở với mẹ, mặt khác, quá trình giải quyết anh T không đến Tòa án để giải quyết nên không biết nguyện vọng của anh T, xem như từ bỏ quyền lợi của mình. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chưa T niên, cần chấp nhận yêu cầu của chị Hồng, giao con chung cháu Trương cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ pháp luật, nên được Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; 217; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Thị T.

Chị Thị T được ly hôn với anh Điều T (Đã đăng ký giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01/2012, ngày 16/02/2012, do Ủy ban nhân dân xã Tân Quan, huyện Hón Quan, tỉnh Bình Phước).

2. Về con chung: Giao con chung Điều Trưởng, sinh ngày: 26/10/2011 cho chị Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các T viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa T niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013573 ngày 16/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND H. Hớn Quản;
- Chi cục THADS H. Hớn Quản;
- UBND xã Tân Quan;
- Các đương sự;
- Lưu: VT,HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

Hồ Văn Thanh